

Số: 548/QĐ-CDKT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp phần thưởng khuyến khích học tập đối với sinh viên
trình độ Cao đẳng chính quy Học kỳ II Năm học 2024-2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 620/QĐ-BGDĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ kết luận của Hội đồng theo biên bản họp Hội đồng xét, cấp học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên trình độ cao đẳng, trung cấp hình thức chính quy Học kỳ I Năm học 2024-2025 của Trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh ngày 28 tháng 3 năm 2025;

Căn cứ Tờ trình số 23 /TTr-CTHSSV ngày 20 tháng 8 năm 2025 về việc đề xuất phần thưởng khuyến khích học tập cho học sinh, sinh viên Học kỳ II Năm học 2024 - 2025;

Xét đề nghị của Trường phòng Công tác Học sinh Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phần thưởng khuyến khích học tập Học kỳ II Năm học 2024-2025 đối với 644 sinh viên khóa 19, 20 trình độ Cao đẳng hình thức chính quy (danh sách đính kèm).

Điều 2. Mức phần thưởng chi theo Tờ trình số 23/TTr-CTHSSV ngày 20 tháng 8 năm 2025.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Ông/Bà Trưởng các đơn vị có liên quan, phòng Công tác Học sinh Sinh viên, phòng Kế hoạch - Tài chính, khoa Kế toán - Kiểm toán, khoa Quản trị Kinh doanh, khoa Tài chính - Ngân hàng, khoa Ngoại ngữ, khoa Khoa học xã hội – Khách sạn – Du lịch, Khoa Công nghệ thông tin và học sinh sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*ĐK*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;

- Lưu: VT, CTHSSV. *JK*

HIỆU TRƯỞNG

Trần Văn Tú

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN PHẦN THƯỞNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024-2025

(Đính kèm quyết định số: 548/QĐ-CDKT ngày 21 tháng 8 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh)

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
		I. XẾP LOẠI XUẤT SẮC							180.000.000	
1	1	23671002	Nguyễn Thị	Tuyết	19CTX01	19	Công tác xã hội (CTX)	Xuất sắc	2.000.000	
2	2	23611016	Châu Nguyễn Thảo	Nhi	19CKD01	19	Kinh doanh thương mại (CKD)	Xuất sắc	2.000.000	
3	3	23611104	Nguyễn Anh	Toàn	19CKD04	19	Kinh doanh thương mại (CKD)	Xuất sắc	2.000.000	
4	4	23611038	Lê Bảo	Nhi	19CKD02	19	Kinh doanh thương mại (CKD)	Xuất sắc	2.000.000	
5	5	23611159	Nguyễn Ngọc Phương	Nhi	19CKD06	19	Kinh doanh thương mại (CKD)	Xuất sắc	2.000.000	
6	6	23611115	Nguyễn Ngọc	Hoà	19CKD04	19	Kinh doanh thương mại (CKD)	Xuất sắc	2.000.000	
7	7	23611174	Đặng Bảo	Như	19CKD06	19	Kinh doanh thương mại (CKD)	Xuất sắc	2.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
8	8	23612020	Trần Gia	Huy	19CXN01	19	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Xuất sắc	2.000.000	
9	9	23612038	Trịnh Thị Lan	Vi	19CXN02	19	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Xuất sắc	2.000.000	
10	10	23613012	Trần Thanh	Long	19CLG01	19	Logistics (CLG)	Xuất sắc	2.000.000	
11	11	23613146	Thạch Phú	Quý	19CLG05	19	Logistics (CLG)	Xuất sắc	2.000.000	
12	12	23613017	Huỳnh Huy	Hiệp	19CLG01	19	Logistics (CLG)	Xuất sắc	2.000.000	
13	13	23613010	Nguyễn Thị Kiều	My	19CLG01	19	Logistics (CLG)	Xuất sắc	2.000.000	
14	14	23613026	Trương Nhật Khải	Quyên	19CLG01	19	Logistics (CLG)	Xuất sắc	2.000.000	
15	15	23613123	Phạm Thị Ngân	Quỳnh	19CLG05	19	Logistics (CLG)	Xuất sắc	2.000.000	
16	16	23613135	Phạm Huỳnh Hoàng	Phi	19CLG05	19	Logistics (CLG)	Xuất sắc	2.000.000	
17	17	23613070	Nguyễn Hồng	Nguyên	19CLG03	19	Logistics (CLG)	Xuất sắc	2.000.000	
18	18	23613060	Nguyễn Phú	Toàn	19CLG02	19	Logistics (CLG)	Xuất sắc	2.000.000	
19	19	23600177	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	19CMK06	19	Marketing (CMK)	Xuất sắc	2.000.000	
20	20	23600012	Trần Thị Anh	Đào	19CMK01	19	Marketing (CMK)	Xuất sắc	2.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
21	21	23600131	Nguyễn Thị Duy	Ngọc	19CMK05	19	Marketing (CMK)	Xuất sắc	2.000.000	
22	22	23600180	Lý Chấn	Phong	19CMK06	19	Marketing (CMK)	Xuất sắc	2.000.000	
23	23	23600051	Nguyễn Ngọc	Trân	19CMK02	19	Marketing (CMK)	Xuất sắc	2.000.000	
24	24	23600003	Trần Ngọc	Hà	19CMK01	19	Marketing (CMK)	Xuất sắc	2.000.000	
25	25	23600170	Trần Bảo	Ngọc	19CMK06	19	Marketing (CMK)	Xuất sắc	2.000.000	
26	26	23600172	Hà Thị	Oanh	19CMK06	19	Marketing (CMK)	Xuất sắc	2.000.000	
27	27	23600056	Thái Hoàng	Phú	19CMK02	19	Marketing (CMK)	Xuất sắc	2.000.000	
28	28	23600125	Đỗ Thụy Thanh	Hiền	19CMK05	19	Marketing (CMK)	Xuất sắc	2.000.000	
29	29	23600176	Đồng Thị Diễm	Trang	19CMK06	19	Marketing (CMK)	Xuất sắc	2.000.000	
30	30	23600142	Văn Khiết	Lâm	19CMK05	19	Marketing (CMK)	Xuất sắc	2.000.000	
31	31	23600029	Huỳnh Tấn	Sang	19CMK01	19	Marketing (CMK)	Xuất sắc	2.000.000	
32	32	23651018	Võ Thị Thanh	Thảo	19CIM01	19	Quản lý công nghiệp (CIM)	Xuất sắc	2.000.000	
33	33	23651011	Nguyễn Thị Thanh	Trân	19CIM01	19	Quản lý công nghiệp (CIM)	Xuất sắc	2.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
34	34	23651003	Cao Thị	Tuyên	19CIM01	19	Quản lý công nghiệp (CIM)	Xuất sắc	2.000.000	
35	35	23641068	Huỳnh Thị Thanh	Ngân	19CQT03	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Xuất sắc	2.000.000	
36	36	23641513	Hứa Tuyết	Nhi	19CQT17	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Xuất sắc	2.000.000	
37	37	23641337	Trần Thảo	Vy	19CQT12	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Xuất sắc	2.000.000	
38	38	23641259	Phan Minh	Khánh	19CQT09	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Xuất sắc	2.000.000	
39	39	23641027	Nguyễn Đình Tuệ	Quang	19CQT01	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Xuất sắc	2.000.000	
40	40	23641025	Huỳnh Ngọc Bích	Quyên	19CQT01	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Xuất sắc	2.000.000	
41	41	23641409	Lại Thị Cẩm	Hồng	19CQT14	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Xuất sắc	2.000.000	
42	42	23641423	Ngô Ngọc Lệ	Trinh	19CQT14	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Xuất sắc	2.000.000	
43	43	23641096	Phạm Ngọc Ánh	Dương	19CQT04	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Xuất sắc	2.000.000	
44	44	23641219	Nguyễn Thanh	Ngọc	19CQT08	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Xuất sắc	2.000.000	
45	45	23641299	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	19CQT10	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Xuất sắc	2.000.000	
46	46	23641077	Lê Quốc	Thịnh	19CQT03	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Xuất sắc	2.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
47	47	23682066	Nguyễn Thị	Hoa	19CKS03	19	Quản trị khách sạn (CKS)	Xuất sắc	2.000.000	
48	48	23635028	Nguyễn Thị Yến	Nhi	19CFB01	19	Tài chính - Ngân hàng (CFB)	Xuất sắc	2.000.000	
49	49	23635130	Nguyễn Thị Thu	Huyền	19CFB05	19	Tài chính - Ngân hàng (CFB)	Xuất sắc	2.000.000	
50	50	23635134	Trần Phương	Vy	19CFB05	19	Tài chính - Ngân hàng (CFB)	Xuất sắc	2.000.000	
51	51	23635034	Trần Thị Như	Ý	19CFB02	19	Tài chính - Ngân hàng (CFB)	Xuất sắc	2.000.000	
52	52	23635138	Phạm Thị Ngọc	Hậu	19CFB05	19	Tài chính - Ngân hàng (CFB)	Xuất sắc	2.000.000	
53	53	23635128	Lương Thị Kim	Thoa	19CFB05	19	Tài chính - Ngân hàng (CFB)	Xuất sắc	2.000.000	
54	54	23635154	Nguyễn Thị Ánh	Hà	19CFB06	19	Tài chính - Ngân hàng (CFB)	Xuất sắc	2.000.000	
55	55	23635117	Trần Thị Thảo	Sương	19CFB04	19	Tài chính - Ngân hàng (CFB)	Xuất sắc	2.000.000	
56	56	23635003	Đặng Hoàng Phương	Uyên	19CFB01	19	Tài chính - Ngân hàng (CFB)	Xuất sắc	2.000.000	
57	57	23635181	Võ Minh	Hiếu	19CFB03	19	Tài chính - Ngân hàng (CFB)	Xuất sắc	2.000.000	
58	58	23621011	Vương Tú	Bình	19CTA01	19	Tiếng Anh (CTA)	Xuất sắc	2.000.000	
59	59	23621035	Ngô Bảo	Uyên	19CTA02	19	Tiếng Anh (CTA)	Xuất sắc	2.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
60	60	23621114	Bùi Thị Tuyết	Sương	19CTA04	19	Tiếng Anh (CTA)	Xuất sắc	2.000.000	
61	61	23621126	Trịnh Trân	Trân	19CTA05	19	Tiếng Anh (CTA)	Xuất sắc	2.000.000	
62	62	23621025	Võ Trần Quyết	Tiến	19CTA01	19	Tiếng Anh (CTA)	Xuất sắc	2.000.000	
63	63	23621129	Lê Ngọc Hải	My	19CTA05	19	Tiếng Anh (CTA)	Xuất sắc	2.000.000	
64	64	23621102	Trịnh Ngọc Yến	Nhi	19CTA04	19	Tiếng Anh (CTA)	Xuất sắc	2.000.000	
65	65	23621078	Đặng Ngọc	Hạnh	19CTA03	19	Tiếng Anh (CTA)	Xuất sắc	2.000.000	
66	66	23621053	Trương Quốc	Thiệu	19CTA02	19	Tiếng Anh (CTA)	Xuất sắc	2.000.000	
67	67	23621139	Phạm Thành	Đạt	19CTA05	19	Tiếng Anh (CTA)	Xuất sắc	2.000.000	
68	68	23621132	Phan Anh	Tiếp	19CTA05	19	Tiếng Anh (CTA)	Xuất sắc	2.000.000	
69	69	23621154	Nguyễn Trang Thanh	Diệu	19CTA06	19	Tiếng Anh (CTA)	Xuất sắc	2.000.000	
70	70	23621066	Lâm Bảo	Duyên	19CTA03	19	Tiếng Anh (CTA)	Xuất sắc	2.000.000	
71	71	23621033	Lê Kiều	Diễm	19CTA02	19	Tiếng Anh (CTA)	Xuất sắc	2.000.000	
72	72	23621145	Trương Trần Trúc	Trâm	19CTA05	19	Tiếng Anh (CTA)	Xuất sắc	2.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
73	73	23621022	Nguyễn Thị Mỹ	Hằng	19CTA01	19	Tiếng Anh (CTA)	Xuất sắc	2.000.000	
74	74	23621055	Nguyễn Ngọc	Minh	19CTA02	19	Tiếng Anh (CTA)	Xuất sắc	2.000.000	
75	75	23621063	Tiên Tâm	Như	19CTA03	19	Tiếng Anh (CTA)	Xuất sắc	2.000.000	
76	76	23622075	Trương Thị Thùy	Trang	19CKR03	19	Tiếng Hàn Quốc (CKR)	Xuất sắc	2.000.000	
77	77	23622031	Nguyễn Lý Hồng	Nguyên	19CKR02	19	Tiếng Hàn Quốc (CKR)	Xuất sắc	2.000.000	
78	78	24671005	Trần Thị Ngọc	Phú	20CTX01	20	Công tác xã hội (CTX)	Xuất sắc	2.000.000	
79	79	24600043	Trần Nguyễn Ngọc	Tân	20CMG01	20	Đồ họa đa phương tiện (CMG)	Xuất sắc	2.000.000	
80	80	24600503	Đoàn Yến	Thảo	20CMG02	20	Đồ họa đa phương tiện (CMG)	Xuất sắc	2.000.000	
81	81	24600427	Võ Mai	Hương	20CMK13	20	Marketing (CMK)	Xuất sắc	2.000.000	
82	82	24600467	Nguyễn Thị Thu	Hương	20CMK14	20	Marketing (CMK)	Xuất sắc	2.000.000	
83	83	24600028	Vũ Huyền	Đức	20CMK01	20	Marketing (CMK)	Xuất sắc	2.000.000	
84	84	24600056	Đặng Thành	Phát	20CMK02	20	Marketing (CMK)	Xuất sắc	2.000.000	
85	85	24600006	Ông Vũ	Hải	20CMK01	20	Marketing (CMK)	Xuất sắc	2.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
86	86	24600162	Phạm Nhật Bảo	Trân	20CMK05	20	Marketing (CMK)	Xuất sắc	2.000.000	
87	87	24622029	Phạm Nguyễn Ngọc	Thư	20CKR01	20	Tiếng Hàn Quốc (CKR)	Xuất sắc	2.000.000	
88	88	24622026	Trần Thị Hồng	Phấn	20CKR01	20	Tiếng Hàn Quốc (CKR)	Xuất sắc	2.000.000	
89	89	24622024	Trần Duy	Thương	20CKR01	20	Tiếng Hàn Quốc (CKR)	Xuất sắc	2.000.000	
90	90	24622005	Mai Thị	Hào	20CKR01	20	Tiếng Hàn Quốc (CKR)	Xuất sắc	2.000.000	
		II. XẾP LOẠI GIỎI							554.000.000	
91	1	23661023	Đặng Quốc	An	19CIT01	19	Công nghệ thông tin (CIT)	Giỏi	1.000.000	
92	2	23661018	Trần Thị Ngọc	Diệp	19CIT01	19	Công nghệ thông tin (CIT)	Giỏi	1.000.000	
93	3	23661020	Nguyễn Anh	Duy	19CIT01	19	Công nghệ thông tin (CIT)	Giỏi	1.000.000	
94	4	23661004	Phùng Xuân	Hoàng	19CIT01	19	Công nghệ thông tin (CIT)	Giỏi	1.000.000	
95	5	23661104	Trần Công	Thiện	19CIT04	19	Công nghệ thông tin (CIT)	Giỏi	1.000.000	
96	6	23661094	Ngô Tuấn	Vũ	19CIT04	19	Công nghệ thông tin (CIT)	Giỏi	1.000.000	
97	7	23661006	Nguyễn Trần Thiên	Ân	19CIT01	19	Công nghệ thông tin (CIT)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
98	8	23662002	Nguyễn Văn	Đạt	19CSI01	19	Công nghệ thông tin (UDPM) (CSI)	Giỏi	1.000.000	
99	9	23662005	Cao Thị Ngọc	Như	19CSI01	19	Công nghệ thông tin (UDPM) (CSI)	Giỏi	1.000.000	
100	10	23662051	Đặng Hỹ	Xuân	19CSI02	19	Công nghệ thông tin (UDPM) (CSI)	Giỏi	1.000.000	
101	11	23662027	Vi Linh Xuân	Vinh	19CSI01	19	Công nghệ thông tin (UDPM) (CSI)	Giỏi	1.000.000	
102	12	23662006	Chiêm Tấn	Hung	19CSI01	19	Công nghệ thông tin (UDPM) (CSI)	Giỏi	1.000.000	
103	13	23661105	Trịnh Thị	Thùy	19CSI01	19	Công nghệ thông tin (UDPM) (CSI)	Giỏi	1.000.000	
104	14	23662010	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	19CSI01	19	Công nghệ thông tin (UDPM) (CSI)	Giỏi	1.000.000	
105	15	23662018	Phan Nguyễn Anh	Phương	19CSI01	19	Công nghệ thông tin (UDPM) (CSI)	Giỏi	1.000.000	
106	16	23661088	Phạm	Tuân	19CSI01	19	Công nghệ thông tin (UDPM) (CSI)	Giỏi	1.000.000	
107	17	23661077	Nguyễn Minh	Thịnh	19CSI01	19	Công nghệ thông tin (UDPM) (CSI)	Giỏi	1.000.000	
108	18	23671030	Nguyễn Ngọc Trang	Đài	19CTX01	19	Công tác xã hội (CTX)	Giỏi	1.000.000	
109	19	23671006	Trần Ngọc Kim	Tiên	19CTX01	19	Công tác xã hội (CTX)	Giỏi	1.000.000	
110	20	23671015	Nông Thị Thúy	Nga	19CTX01	19	Công tác xã hội (CTX)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
111	21	23671020	Đỗ Thị Thanh	Thùy	19CTX01	19	Công tác xã hội (CTX)	Giỏi	1.000.000	
112	22	23671037	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	19CTX01	19	Công tác xã hội (CTX)	Giỏi	1.000.000	
113	23	23671017	Huỳnh Thùy	Linh	19CTX01	19	Công tác xã hội (CTX)	Giỏi	1.000.000	
114	24	23671024	Đậu Thị Như	Quỳnh	19CTX01	19	Công tác xã hội (CTX)	Giỏi	1.000.000	
115	25	23600160	Huỳnh Tuấn	Phát	19CMG01	19	Đồ họa đa phương tiện (CMG)	Giỏi	1.000.000	
116	26	23600255	Nguyễn Thị Tấn	Quyên	19CMG01	19	Đồ họa đa phương tiện (CMG)	Giỏi	1.000.000	
117	27	23600273	Trần Hồ Mỹ	Quyên	19CMG01	19	Đồ họa đa phương tiện (CMG)	Giỏi	1.000.000	
118	28	23681034	Huỳnh Thị Hoàng	Yến	19CDL02	19	Hướng dẫn du lịch (CDL)	Giỏi	1.000.000	
119	29	23681004	Phùng Bội	Ngọc	19CDL01	19	Hướng dẫn du lịch (CDL)	Giỏi	1.000.000	
120	30	23681016	Nguyễn Đăng Thành	Nhân	19CDL01	19	Hướng dẫn du lịch (CDL)	Giỏi	1.000.000	
121	31	23631018	Trần Thị Ngọc	Huyền	19CKT01	19	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
122	32	23631157	Nguyễn Thị Hồng	Đào	19CKT06	19	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
123	33	23631228	Lương Trần Minh	Thư	19CKT08	19	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
124	34	23631169	Trần Thị Mai	Thi	19CKT06	19	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
125	35	23631260	Dương Tường	Vy	19CKT09	19	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
126	36	23631091	Trương Thị Thanh	Thúy	19CKT04	19	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
127	37	23631232	Nguyễn Thanh Thanh	Xuân	19CKT08	19	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
128	38	23631121	Phạm Thị Kiều	Lan	19CKT05	19	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
129	39	23631233	Nguyễn Hà Như	Ý	19CKT08	19	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
130	40	23631001	Trần Thị Tuyết	Nhi	19CKT01	19	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
131	41	23631307	Trần Mỹ	Quyên	19CKT11	19	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
132	42	23631082	Nguyễn Đỗ Hoàng	Anh	19CKT03	19	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
133	43	23631265	Trương Ngọc	Huệ	19CKT09	19	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
134	44	23631331	Nguyễn Bùi Yến	Nhi	19CKT11	19	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
135	45	23634033	Nguyễn Thị Thu	Phương	19CAD01	19	Kiểm toán (CAD)	Giỏi	1.000.000	
136	46	23634004	Văn Hoàng Thảo	Vy	19CAD01	19	Kiểm toán (CAD)	Giỏi	1.000.000	

TH

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
137	47	23634029	Đỗ Khả	Vi	19CAD01	19	Kiểm toán (CAD)	Giỏi	1.000.000	
138	48	23634028	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Ánh	19CAD01	19	Kiểm toán (CAD)	Giỏi	1.000.000	
139	49	23611067	Vũ Hoàng Yến	Nhi	19CKD03	19	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
140	50	23611013	Cao Thị Mỹ	Phụng	19CKD01	19	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
141	51	23611146	Huỳnh Thị Kim	Phúc	19CKD05	19	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
142	52	23611030	Lê Thị Trường	Khuyến	19CKD01	19	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
143	53	23611047	Nguyễn Xuân	Thảo	19CKD02	19	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
144	54	23611075	Lý Kim	Phụng	19CKD03	19	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
145	55	23611144	Trần Đặng Thủy	Tiên	19CKD05	19	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
146	56	23611142	Trần Thành	Lợi	19CKD05	19	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
147	57	23611134	Phan Thanh	Thảo	19CKD05	19	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
148	58	23611137	Trần Anh	Thư	19CKD05	19	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
149	59	23611021	Đoàn Thị Thùy	Trang	19CKD01	19	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	

HA

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
150	60	23611039	Nguyễn Thị Thanh	Vy	19CKD02	19	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
151	61	23611004	Trần Thị Anh	Thư	19CKD01	19	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
152	62	23611042	Cao Thị Diễm	Thương	19CKD02	19	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
153	63	23611120	Hồ Thị Minh	Huyền	19CKD04	19	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
154	64	23611073	Mai Thị Như	Ý	19CKD03	19	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
155	65	23611035	Trần Phạm Cẩm	Tiên	19CKD02	19	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
156	66	23611107	Nông Thị Kim	Thảo	19CKD04	19	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
157	67	23611148	Đinh Anh	Thư	19CKD05	19	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
158	68	23611157	Nguyễn Thị Thu	Thảo	19CKD06	19	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
159	69	23611005	Huỳnh Kim	Ngân	19CKD01	19	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
160	70	23611128	Võ Ngọc Thanh	Lan	19CKD05	19	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
161	71	23611149	Trần Thế	Sơn	19CKD05	19	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
162	72	23611101	Huỳnh Thị Lan	Anh	19CKD04	19	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
163	73	23611011	Trần Phương	Quỳnh	19CKD01	19	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
164	74	23611015	Trần Mỹ	Quỳnh	19CKD01	19	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
165	75	23611081	Thái Thị Kim	Ngân	19CKD03	19	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
166	76	23611002	Lê Thị Thanh	Tiến	19CKD01	19	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
167	77	23611145	Trần Thị Thanh	Hằng	19CKD05	19	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
168	78	23611051	Lê Thùy Yến	Nhi	19CKD02	19	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
169	79	23611163	Trần Phùng Hiếu	Ngân	19CKD06	19	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
170	80	23611129	Nguyễn Anh	Tú	19CKD05	19	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
171	81	23611059	Nguyễn Thị Thảo	Vy	19CKD02	19	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
172	82	23611027	Trần Nguyễn Bảo	Vy	19CKD01	19	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
173	83	23611083	Võ Xuân	Ngọc	19CKD03	19	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
174	84	23611170	Lê Thảo Thủy	Tiên	19CKD06	19	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
175	85	23611077	Võ Thanh Kim	Ngân	19CKD03	19	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
176	86	23611007	Lê Hoàn	Tuấn	19CKD01	19	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
177	87	23611032	Nguyễn Thanh	Ngân	19CKD02	19	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
178	88	23611166	Trương Thị Tuyết	Nhung	19CKD06	19	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
179	89	23611176	Trương Nhật	Phong	19CKD06	19	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
180	90	23612031	Trần Dạ Bảo	Thy	19CXN02	19	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	1.000.000	
181	91	23612121	Nguyễn Vũ Kim	Khánh	19CXN04	19	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	1.000.000	
182	92	23612001	Nguyễn Thế	Bảo	19CXN01	19	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	1.000.000	
183	93	23612016	Nguyễn Thị Kim	Phụng	19CXN01	19	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	1.000.000	
184	94	23612093	Trần Thị	Huyền	19CXN04	19	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	1.000.000	
185	95	23612067	Nguyễn Thị Ngân	Quỳnh	19CXN03	19	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	1.000.000	
186	96	23612075	Đào Gia	Nghi	19CXN03	19	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	1.000.000	
187	97	23612026	Nguyễn Thị Cẩm	Giang	19CXN01	19	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	1.000.000	
188	98	23612025	Nguyễn Thị Phương	Thảo	19CXN01	19	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
189	99	23612011	Nguyễn Thị Kim	Toàn	19CXN01	19	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	1.000.000	
190	100	23612063	Trần Thị Thu	Tĩnh	19CXN03	19	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	1.000.000	
191	101	23612061	Nguyễn Tuyết	Trinh	19CXN03	19	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	1.000.000	
192	102	23612044	Nguyễn Bùi Như	Ý	19CXN02	19	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	1.000.000	
193	103	23613037	Phan Thị Như	Quỳnh	19CLG02	19	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
194	104	23613072	Phan Trần Quốc	Toàn	19CLG03	19	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
195	105	23613041	Đỗ Mỹ	Nhi	19CLG02	19	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
196	106	23613119	Nguyễn Tiến	Đạt	19CLG04	19	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
197	107	23613046	Lê Thành	Đạt	19CLG02	19	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
198	108	23613027	Lý Thị Anh	Thư	19CLG01	19	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
199	109	23613207	Huỳnh Tấn	Khanh	19CLG07	19	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
200	110	23613091	Nguyễn Phúc	Thịnh	19CLG04	19	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
201	111	23613053	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	19CLG02	19	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	

th

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
202	112	23613022	Nguyễn Thị Như	Ý	19CLG01	19	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
203	113	23613202	Lê Phước	Thịnh	19CLG07	19	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
204	114	23613163	Nguyễn Hoàng	Hiệp	19CLG06	19	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
205	115	23613160	Trương Nhật	Anh	19CLG06	19	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
206	116	23613168	Lê Trần Hải	Yến	19CLG06	19	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
207	117	23613103	Hoàng Thị Thu	Duyên	19CLG04	19	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
208	118	23613154	Nguyễn Thị Thùy	Duyên	19CLG06	19	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
209	119	23613033	Nguyễn Hồng Mỹ	Duyên	19CLG02	19	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
210	120	23613165	Nguyễn Huỳnh Thị Hoài	Thương	19CLG06	19	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
211	121	23613191	Nguyễn Thị Yến	Nhi	19CLG07	19	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
212	122	23613093	Ngô Phương	Nhi	19CLG04	19	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
213	123	23613077	Lượng Ngọc	Trinh	19CLG03	19	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
214	124	23613004	Trần Phi	Yến	19CLG01	19	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
215	125	23613164	Ngô Thị Kim	Thoa	19CLG06	19	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
216	126	23613075	Cao Nguyễn Hoài	Linh	19CLG03	19	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
217	127	23613013	Nguyễn Thị Thu	Hà	19CLG01	19	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
218	128	23613039	Nguyễn Hồng Yến	Thảo	19CLG02	19	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
219	129	23613087	Phùng Thị Thanh	Trúc	19CLG03	19	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
220	130	23600020	Trần Ngọc Phương	Đài	19CMK01	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
221	131	23600103	Ngô Quang	Tạo	19CMK04	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
222	132	23600006	Nguyễn Thị Quỳnh	Chi	19CMK01	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
223	133	23600019	Trần Ngọc Phương	Quyên	19CMK01	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
224	134	23600021	Nguyễn Thị Yến	Nhi	19CMK01	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
225	135	23600030	Nguyễn Thị Kim	Duy	19CMK01	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
226	136	23600024	Lê Xuân	Diệu	19CMK01	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
227	137	23600022	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	19CMK01	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
228	138	23600002	Ngô Thị Thảo	Uyên	19CMK01	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
229	139	23600201	Nguyễn Thị Thúy	Vy	19CMK07	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
230	140	23600184	Ngô Nguyễn Ngọc	Hân	19CMK07	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
231	141	23600075	Nguyễn Thị Minh	Thư	19CMK03	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
232	142	23600153	Phù Vĩnh	Sĩ	19CMK06	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
233	143	23600049	Nguyễn Lê Nguyệt	Thanh	19CMK02	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
234	144	23600061	Nguyễn Minh	Thư	19CMK03	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
235	145	23600157	Nguyễn Thị Hồng	Nghi	19CMK06	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
236	146	23600080	Đỗ Thị Minh	Hà	19CMK03	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
237	147	23600208	Nguyễn Thị Tường	Vy	19CMK07	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
238	148	23600248	Trần Thị Thanh	Tuyền	19CMK08	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
239	149	23600241	Lê Thị Thu	Uyên	19CMK08	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
240	150	23600226	Nguyễn Thị Mỹ	Thanh	19CMK07	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
241	151	23600158	Bùi Thị Mỹ	Hồng	19CMK06	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
242	152	23600039	Lê Thanh Bảo	Yến	19CMK02	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
243	153	23600008	Lương Xuân	Quỳnh	19CMK01	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
244	154	23600253	Đặng Thị Bích	Thư	19CMK08	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
245	155	23600027	Nguyễn Kiều Thiên	Tâm	19CMK01	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
246	156	23600169	Hồ Nữ Thiên	Nga	19CMK06	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
247	157	23600209	Nguyễn Hoàng	Nhật	19CMK07	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
248	158	23600045	Vũ Thị Kim	Tuyết	19CMK02	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
249	159	23600133	Lê Thị Diễm	Kiều	19CMK05	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
250	160	23600174	Trần Thị Tuyết	Nhi	19CMK06	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
251	161	23600166	Lê Thanh	Như	19CMK06	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
252	162	23600198	Nguyễn Ngọc Xuân	Mai	19CMK07	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
253	163	23600071	Dương Thị Trúc	Ly	19CMK03	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
254	164	23600079	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	19CMK03	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
255	165	23600104	Bùi Thị Ngọc	Mai	19CMK04	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
256	166	23600089	Nguyễn Quốc	Cường	19CMK04	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
257	167	23600200	Trần Đăng	Khôi	19CMK07	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
258	168	23600009	Lê Phạm Hà	Trâm	19CMK01	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
259	169	23600074	Nguyễn Thị Quế	Trân	19CMK03	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
260	170	23600211	Lê Hoàng Phương	Uyên	19CMK07	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
261	171	23600032	Dư Ngọc	Hồ	19CMK02	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
262	172	23600101	Lương Quế	Hương	19CMK04	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
263	173	23600070	Lê Nguyễn Bình	Nhi	19CMK03	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
264	174	23600145	Nguyễn Thị Ngọc	Duyên	19CMK05	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
265	175	23600272	Nguyễn Lê Ý	Nhi	19CMK08	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
266	176	23600222	Phạm Thị Thu	Thảo	19CMK06	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
267	177	23600215	Nguyễn Thị Ngọc	Thân	19CMK05	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
268	178	23600041	Lê Thị Kiều	Oanh	19CMK02	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
269	179	23600167	Nguyễn Huỳnh Nhã	Ngọc	19CMK06	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
270	180	23600224	Nguyễn Thị Ái	Phương	19CMK07	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
271	181	23600250	Võ Thị Ngọc	Trâm	19CMK08	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
272	182	23600191	Bạch Thị Mai	Thảo	19CMK07	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
273	183	23600016	Nguyễn Thanh	Dân	19CMK01	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
274	184	23600040	Lê Văn	Hải	19CMK02	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
275	185	23600149	Huỳnh Thị Thanh	Thư	19CMK05	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
276	186	23600305	Nguyễn Thị Tường	Vân	19CMK08	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
277	187	23600139	Nguyễn Như	Phương	19CMK05	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
278	188	23600171	Phạm Thanh	Nhi	19CMK06	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
279	189	23600100	Võ Thu	Hiền	19CMK04	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
280	190	23600113	Nguyễn Nữ Kiều	Thư	19CMK04	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
281	191	23600007	Thái Hoàng Phương	Thảo	19CMK01	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
282	192	23600047	Trần Thị Bảo	Kim	19CMK02	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
283	193	23600097	Nguyễn Tuấn	Kiệt	19CMK04	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
284	194	23600161	Ngô Thị Anh	Thư	19CMK06	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
285	195	23600069	Võ Nguyễn Hoàng Vân	Anh	19CMK03	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
286	196	23600212	Huỳnh Thị	Thảo	19CMK05	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
287	197	23600028	Nguyễn Châu	Ngọc	19CMK01	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
288	198	23651008	Nguyễn Minh	Trí	19CIM01	19	Quản lý công nghiệp (CIM)	Giỏi	1.000.000	
289	199	23651025	Nguyễn Thị Thùy	An	19CIM01	19	Quản lý công nghiệp (CIM)	Giỏi	1.000.000	
290	200	23641378	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	19CQT13	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
291	201	23641438	Trần Hoàng	Quyên	19CQT15	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
292	202	23641214	Nguyễn Chánh	Huy	19CQT08	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
293	203	23641421	Lê Thị Thu	Thảo	19CQT14	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
294	204	23641105	Bùi Thị	Phượng	19CQT04	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
295	205	23641448	Trần Ngọc	Trinh	19CQT15	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
296	206	23641240	Nguyễn Thị Phương	Linh	19CQT08	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
297	207	23641247	Lại Huỳnh Lê	Khôi	19CQT09	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
298	208	23641278	Trần Thị Anh	Thảo	19CQT10	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
299	209	23641407	Võ Lâm Hoàng	Minh	19CQT14	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
300	210	23641115	Võ Văn	Phúc	19CQT04	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
301	211	23641207	Tô Nguyễn Thảo	Sương	19CQT07	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
302	212	23641049	Lê Thị Băng	Nhi	19CQT01	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
303	213	23641289	Lâm Ngọc	Đào	19CQT10	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
304	214	23641439	Võ Thị Thanh	Ngân	19CQT15	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
305	215	23641481	Trang Thiên	Sơn	19CQT16	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	

HC

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
306	216	23641006	Nguyễn Phúc	Diễm	19CQT01	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
307	217	23641342	Vi Thị	Lệ	19CQT12	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
308	218	23641450	Phạm Ngọc Thanh	Thúy	19CQT15	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
309	219	23641235	Huỳnh Lê Kim	Ngọc	19CQT08	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
310	220	23641395	Nguyễn Thạch Bảo	Ngọc	19CQT14	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
311	221	23641408	Huỳnh Ngọc Thùy	Trâm	19CQT14	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
312	222	23641442	Phan Thanh	Uyên	19CQT15	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
313	223	23641014	Lâm Vĩnh	Tường	19CQT01	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
314	224	23641046	Nguyễn Mạnh	Quỳnh	19CQT02	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
315	225	23641104	Châu Hồng	Phát	19CQT04	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
316	226	23641449	Nguyễn Thị Mỹ	Tuyền	19CQT15	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
317	227	23641031	Tô Phạm Yến	Như	19CQT01	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
318	228	23641352	Dương Thị Thu	Trang	19CQT12	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
319	229	23641446	Trần Nhật Phương	Anh	19CQT15	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
320	230	23641028	Nguyễn Lê Bạch	Dương	19CQT01	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
321	231	23641468	Trần Diệu	Anh	19CQT16	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
322	232	23641436	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	19CQT15	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
323	233	23641454	Huỳnh Thị Ngọc	Trân	19CQT16	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
324	234	23641110	Võ Lê Ngọc	Vy	19CQT04	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
325	235	23641304	Nguyễn Như	Quỳnh	19CQT11	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
326	236	23641385	Nguyễn Thị Diệu	Hiền	19CQT13	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
327	237	23641426	Nguyễn Quỳnh	Như	19CQT15	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
328	238	23641212	Lê Thị Hồng	Huệ	19CQT07	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
329	239	23641044	Phan Thị Bích	Tuyền	19CQT02	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
330	240	23641474	Trương Thị Bích	Loan	19CQT16	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
331	241	23641059	Phạm Thị Thanh	Hiền	19CQT02	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
332	242	23641466	Huỳnh Yến	Nhi	19CQT16	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
333	243	23641432	Nguyễn Huỳnh Trà	My	19CQT15	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
334	244	23641116	Phan Thị Thanh	Thảo	19CQT04	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
335	245	23641527	Nguyễn Tấn	Minh	19CQT18	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
336	246	23641507	Nguyễn Đình	Trung	19CQT17	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
337	247	23641400	Trần Thanh	Thảo	19CQT14	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
338	248	23641197	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	19CQT07	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
339	249	23641520	Trần Chí	Thành	19CQT18	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
340	250	23641338	Lương Thị Thùy	Trang	19CQT12	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
341	251	23641505	Hoàng Trọng	Khoa	19CQT17	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
342	252	23641039	Nguyễn Thị Vân	Anh	19CQT02	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
343	253	23641349	Nguyễn Minh	Trường	19CQT12	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
344	254	23641301	Võ Thiện	Bảo	19CQT10	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
345	255	23641411	Lưu Ngọc Mai	Trâm	19CQT14	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
346	256	23682110	Văn Minh	Ngọc	19CKS04	19	Quản trị khách sạn (CKS)	Giỏi	1.000.000	
347	257	23682092	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	19CKS04	19	Quản trị khách sạn (CKS)	Giỏi	1.000.000	
348	258	23682064	Nguyễn Thái	Dương	19CKS03	19	Quản trị khách sạn (CKS)	Giỏi	1.000.000	
349	259	23682098	Châu Hữu	Tài	19CKS04	19	Quản trị khách sạn (CKS)	Giỏi	1.000.000	
350	260	23682113	Huỳnh Yến	My	19CKS04	19	Quản trị khách sạn (CKS)	Giỏi	1.000.000	
351	261	23682077	Đinh Thị Thanh	Diễm	19CKS03	19	Quản trị khách sạn (CKS)	Giỏi	1.000.000	
352	262	23682024	Nguyễn Anh	Khôi	19CKS01	19	Quản trị khách sạn (CKS)	Giỏi	1.000.000	
353	263	23682119	Trần Tuấn	Nghị	19CKS04	19	Quản trị khách sạn (CKS)	Giỏi	1.000.000	
354	264	23682014	Nguyễn Ngọc	Nhi	19CKS01	19	Quản trị khách sạn (CKS)	Giỏi	1.000.000	
355	265	23682088	Thi Đặng Như	Quỳnh	19CKS03	19	Quản trị khách sạn (CKS)	Giỏi	1.000.000	
356	266	23682032	Trần Thị Hải	Lý	19CKS02	19	Quản trị khách sạn (CKS)	Giỏi	1.000.000	
357	267	23682106	Vũ Thị Yến	Nhi	19CKS04	19	Quản trị khách sạn (CKS)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
358	268	23682017	Cao Minh	Kiệt	19CKS01	19	Quản trị khách sạn (CKS)	Giỏi	1.000.000	
359	269	23682026	Tăng Ngọc	Thảo	19CKS01	19	Quản trị khách sạn (CKS)	Giỏi	1.000.000	
360	270	23682093	Phạm Trang Thanh	Trúc	19CKS04	19	Quản trị khách sạn (CKS)	Giỏi	1.000.000	
361	271	23682044	Trần Thị Thanh	Mai	19CKS02	19	Quản trị khách sạn (CKS)	Giỏi	1.000.000	
362	272	23682105	Hà Nguyễn Ngọc Yến	Vy	19CKS04	19	Quản trị khách sạn (CKS)	Giỏi	1.000.000	
363	273	23682057	Nguyễn Xuân	Liều	19CKS02	19	Quản trị khách sạn (CKS)	Giỏi	1.000.000	
364	274	23635014	Đỗ Lê Tường	Vy	19CFB01	19	Tài chính - Ngân hàng (CFB)	Giỏi	1.000.000	
365	275	23635116	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	19CFB04	19	Tài chính - Ngân hàng (CFB)	Giỏi	1.000.000	
366	276	23635015	Võ Thị	Tiên	19CFB01	19	Tài chính - Ngân hàng (CFB)	Giỏi	1.000.000	
367	277	23635129	Lê Thị Huyền	Trân	19CFB05	19	Tài chính - Ngân hàng (CFB)	Giỏi	1.000.000	
368	278	23635094	Nguyễn Thị Thùy	Như	19CFB04	19	Tài chính - Ngân hàng (CFB)	Giỏi	1.000.000	
369	279	23635035	Lý Huỳnh Tố	Uyên	19CFB02	19	Tài chính - Ngân hàng (CFB)	Giỏi	1.000.000	
370	280	23635010	Phan Thị Hoài	Thương	19CFB01	19	Tài chính - Ngân hàng (CFB)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
371	281	23635016	Phạm Nguyễn Phương	Anh	19CFB01	19	Tài chính - Ngân hàng (CFB)	Giỏi	1.000.000	
372	282	23635086	Huỳnh Ngọc Thuý	Anh	19CFB02	19	Tài chính - Ngân hàng (CFB)	Giỏi	1.000.000	
373	283	23635039	Lưu Thị Thảo	Duyên	19CFB02	19	Tài chính - Ngân hàng (CFB)	Giỏi	1.000.000	
374	284	23635062	Nguyễn Lê Hồng	Loan	19CFB03	19	Tài chính - Ngân hàng (CFB)	Giỏi	1.000.000	
375	285	23600322	Phan Thị Phương	Trinh	19CCF01	19	Tài chính doanh nghiệp (CCF)	Giỏi	1.000.000	
376	286	23600331	Trần Đặng Hoàng	Yến	19CCF01	19	Tài chính doanh nghiệp (CCF)	Giỏi	1.000.000	
377	287	23621014	Nguyễn Duy	Vũ	19CTA01	19	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
378	288	23621133	Phạm Thị Kiều	Oanh	19CTA05	19	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
379	289	23621110	Trương Thị Mai	Hoa	19CTA04	19	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
380	290	23621092	Nguyễn Thị Kim	Oanh	19CTA04	19	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
381	291	23621017	Huỳnh Thị Thanh	Thảo	19CTA01	19	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
382	292	23621128	Phạm Thị Quỳnh	Như	19CTA05	19	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
383	293	23621157	Lê Ngọc Bảo	Lam	19CTA06	19	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
384	294	23621029	Nguyễn Hoài	Khương	19CTA01	19	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
385	295	23621112	Mai Hữu	Hiếu	19CTA04	19	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
386	296	23621001	Nguyễn Lê Thảo	Vy	19CTA01	19	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
387	297	23621100	Lê Hữu Thái	Hà	19CTA04	19	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
388	298	23621037	Lê Hoàng	Triều	19CTA02	19	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
389	299	23621046	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	19CTA02	19	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
390	300	23621120	Nguyễn Thị Phương	Hà	19CTA04	19	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
391	301	23621098	Tạ Ngọc	Trâm	19CTA04	19	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
392	302	23621123	Đặng Đào Bảo	Trâm	19CTA05	19	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
393	303	23621147	Nguyễn Tạ Kim	Ngân	19CTA05	19	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
394	304	23621148	Nguyễn Lê Minh	Như	19CTA04	19	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
395	305	23621007	Cao Huỳnh Khánh	My	19CTA01	19	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
396	306	23621042	Nguyễn Thị Tú	Thư	19CTA02	19	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
397	307	23621106	Trương Thị Bạch	Mai	19CTA04	19	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
398	308	23621093	Nguyễn Thị Phương	Khanh	19CTA04	19	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
399	309	23622070	Lưu Thị Ngọc	Giàu	19CKR03	19	Tiếng Hàn Quốc (CKR)	Giỏi	1.000.000	
400	310	23622055	Trần Liên Ngọc	Trâm	19CKR02	19	Tiếng Hàn Quốc (CKR)	Giỏi	1.000.000	
401	311	23622059	Võ Trần Tuyết	Sương	19CKR02	19	Tiếng Hàn Quốc (CKR)	Giỏi	1.000.000	
402	312	23622022	Tài Thị Ngọc	Trinh	19CKR01	19	Tiếng Hàn Quốc (CKR)	Giỏi	1.000.000	
403	313	23622060	Vũ Thị Hoài	Niệm	19CKR02	19	Tiếng Hàn Quốc (CKR)	Giỏi	1.000.000	
404	314	23622008	Đặng Vũ Thanh	Trúc	19CKR01	19	Tiếng Hàn Quốc (CKR)	Giỏi	1.000.000	
405	315	24661062	Nguyễn Thị Mỹ	Hân	20CIT03	20	Công nghệ thông tin (CIT)	Giỏi	1.000.000	
406	316	24661076	Trần Ngô Thái	Nguyên	20CIT03	20	Công nghệ thông tin (CIT)	Giỏi	1.000.000	
407	317	24662013	Đặng Quốc	Cường	20CSI01	20	Công nghệ thông tin (UDPM) (CSI)	Giỏi	1.000.000	
408	318	24662026	Võ Công Tin	Tường	20CSI01	20	Công nghệ thông tin (UDPM) (CSI)	Giỏi	1.000.000	
409	319	24662036	Huỳnh Văn Phước	Lợi	20CSI02	20	Công nghệ thông tin (UDPM) (CSI)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
410	320	24662014	Lê Nguyễn Quế	Thơ	20CSI01	20	Công nghệ thông tin (UDPM) (CSI)	Giỏi	1.000.000	
411	321	24671037	Cao Đỗ Nhất	Khang	20CTX01	20	Công tác xã hội (CTX)	Giỏi	1.000.000	
412	322	24600035	Trần Thị Hằng	Ny	20CMG01	20	Đồ họa đa phương tiện (CMG)	Giỏi	1.000.000	
413	323	24600083	Lê Thị Kim	Ngân	20CMG01	20	Đồ họa đa phương tiện (CMG)	Giỏi	1.000.000	
414	324	24600553	Lê Ngọc Minh	Yến	20CMG03	20	Đồ họa đa phương tiện (CMG)	Giỏi	1.000.000	
415	325	24600053	Trần Quang	Thịnh	20CMG01	20	Đồ họa đa phương tiện (CMG)	Giỏi	1.000.000	
416	326	24600272	Nguyễn Thị Diễm	My	20CMG01	20	Đồ họa đa phương tiện (CMG)	Giỏi	1.000.000	
417	327	24600561	Bùi Ngọc Kiều	My	20CMG03	20	Đồ họa đa phương tiện (CMG)	Giỏi	1.000.000	
418	328	24600551	Nguyễn Việt	Hoàng	20CMG03	20	Đồ họa đa phương tiện (CMG)	Giỏi	1.000.000	
419	329	24600545	Nguyễn Thị Anh	Thư	20CMG03	20	Đồ họa đa phương tiện (CMG)	Giỏi	1.000.000	
420	330	24600417	Lưu Thị Minh	Ngọc	20CMG02	20	Đồ họa đa phương tiện (CMG)	Giỏi	1.000.000	
421	331	24600023	Đỗ Việt	Hoàng	20CMG01	20	Đồ họa đa phương tiện (CMG)	Giỏi	1.000.000	
422	332	24600042	Nguyễn Anh	Tuấn	20CMG01	20	Đồ họa đa phương tiện (CMG)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
423	333	24600337	Nguyễn Minh	Trí	20CMG01	20	Đồ họa đa phương tiện (CMG)	Giỏi	1.000.000	
424	334	24600523	Võ Chí	Bảo	20CMG02	20	Đồ họa đa phương tiện (CMG)	Giỏi	1.000.000	
425	335	24600525	Phạm Nguyễn Anh	Thư	20CMG03	20	Đồ họa đa phương tiện (CMG)	Giỏi	1.000.000	
426	336	24600563	Nguyễn Thị Hồng	Tiên	20CMG03	20	Đồ họa đa phương tiện (CMG)	Giỏi	1.000.000	
427	337	24600519	Võ Thị Ánh	Sáng	20CMG02	20	Đồ họa đa phương tiện (CMG)	Giỏi	1.000.000	
428	338	24631051	Lê Bảo	Ngọc	20CKT14T	20	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
429	339	240000017	Trần Thị Thanh	Hương	20CKTLT01	20	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
430	340	24631294	Võ Ngọc Phương	Thảo	20CKT10	20	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
431	341	24631248	Võ Ngọc Minh	Châu	20CKT01	20	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
432	342	24631169	Nguyễn Thị Kim	Ánh	20CKT06	20	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
433	343	240000005	Nguyễn Thị Thúy	Liều	20CKTLT01	20	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
434	344	240000010	Phạm Lý	Thạch	20CKTLT01	20	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
435	345	240000016	Nguyễn Thị Bích	Vân	20CKTLT01	20	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
436	346	24631070	Nguyễn Lý Kim	Ngân	20CKT03	20	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
437	347	24631319	Châu Thị Kim	Ngân	20CKT10	20	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
438	348	24631020	Nguyễn Văn	Đông	20CKT01	20	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
439	349	24631025	Phan Nguyễn Minh	Thi	20CKT14T	20	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
440	350	24631061	Nguyễn Thị Tường	Vi	20CKT03	20	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
441	351	24631299	Nguyễn Thị Ngọc	Thu	20CKT10	20	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
442	352	240000006	Đặng Thị Phước	Nhiều	20CKTLT01	20	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
443	353	24631287	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	20CKT09	20	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
444	354	24631290	Châu Lê Mỹ	Phụng	20CKT09	20	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
445	355	24631277	Tổng Vũ Ngọc	Ngân	20CKT09	20	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
446	356	24631193	Danh Thị Anh	Thư	20CKT07	20	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
447	357	24634025	Phan Thùy	Linh	20CAD01	20	Kiểm toán (CAD)	Giỏi	1.000.000	
448	358	24611142	Nguyễn Thị	Tú	20CKD05	20	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
449	359	24611113	Lê Minh	Thư	20CKD04	20	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
450	360	24611225	Tạ Ngọc Anh	Thư	20CKD08	20	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
451	361	24611060	Nguyễn Thị Kim	Cương	20CKD02	20	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
452	362	24611136	Phạm Thị Mỹ	Trinh	20CKD05	20	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
453	363	24611044	Nguyễn Lệ	Chi	20CKD02	20	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
454	364	24611165	Nguyễn Lê Quỳnh	Như	20CKD06	20	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
455	365	24611011	Phạm Ngọc Thanh	Thúy	20CKD01	20	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
456	366	24611090	Phạm Thị Hương	Giang	20CKD03	20	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
457	367	24611004	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	20CKD01	20	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
458	368	24611145	Nguyễn Thành	Luân	20CKD03	20	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
459	369	24611006	Nguyễn Thị Hồng	Kim	20CKD01	20	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
460	370	24611055	Ngô Ngọc Thảo	Quỳnh	20CKD02	20	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
461	371	24611222	Võ Như Minh	Tiên	20CKD08	20	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
462	372	24612003	Nguyễn Thảo	Vy	20CXN01	20	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	1.000.000	
463	373	24613019	Châu Viết	Tuyền	20CLG01	20	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
464	374	24613079	Trần Hoàng Kim	Phụng	20CLG03	20	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
465	375	24613068	Nguyễn Thị Kim	Thư	20CLG03	20	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
466	376	24613229	Đặng Quang	Nghĩa	20CLG08	20	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
467	377	24613002	Nguyễn Trần Ngọc	Khánh	20CLG01	20	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
468	378	24613070	Nguyễn Thiên Xuân	Mai	20CLG03	20	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
469	379	24613013	Hà Ngọc	Long	20CLG01	20	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
470	380	24613136	Nguyễn Quốc	Sang	20CLG05	20	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
471	381	24613137	Phạm Trọng	Nghĩa	20CLG05	20	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
472	382	24613102	Hỷ Thiên	Phước	20CLG04	20	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
473	383	24613152	Phạm Quang	Hiếu	20CLG06	20	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
474	384	24613061	Nguyễn Thị Hồng	Đào	20CLG03	20	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
475	385	24613044	Trần Quế	Mai	20CLG02	20	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
476	386	24613120	Võ Ngọc Thanh	Hoa	20CLG04	20	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
477	387	24613005	Phạm Thị Hồng	Đào	20CLG01	20	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
478	388	24613038	Văn Tiến	Đạt	20CLG02	20	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
479	389	24613130	Huỳnh Trọng	Hiệp	20CLG05	20	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
480	390	24613122	Nguyễn Phương	Uyên	20CLG05	20	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
481	391	24613218	Đỗ Anh	Thư	20CLG08	20	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
482	392	24613064	Phạm Đức	Trí	20CLG03	20	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
483	393	24613065	Trần Ngọc Thuỳ	Trang	20CLG03	20	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
484	394	24613176	Nguyễn Hoài	Phong	20CLG06	20	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
485	395	24613186	Huỳnh Phương	Trang	20CLG07	20	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
486	396	24613042	Trần Hoàng	Ngân	20CLG02	20	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
487	397	24613071	Trần Thị	Hoàng	20CLG03	20	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
488	398	24613046	Trịnh Nguyễn Nhật	Tân	20CLG02	20	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
489	399	24613050	Trần Thị Hoàng	Uyên	20CLG02	20	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
490	400	24613034	Trần Duy	Khang	20CLG02	20	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
491	401	24613166	Huỳnh Ngọc Kim	Ngân	20CLG06	20	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
492	402	24613129	Lê Thị Ngọc	Anh	20CLG05	20	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
493	403	24613192	Nguyễn Hữu	Luân	20CLG07	20	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
494	404	24613259	Nguyễn Vũ Ngọc	Vy	20CLG01	20	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
495	405	24613132	Châu Hữu	Nghĩa	20CLG05	20	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
496	406	24613033	Trịnh Thị Bảo	Hân	20CLG02	20	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
497	407	24613045	Bùi Quốc	Huy	20CLG02	20	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
498	408	24600504	Hoàng Hương	Bạch	20CMK15	20	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
499	409	24600339	Nguyễn Ngọc Kiều	Linh	20CMK10	20	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
500	410	24600152	Bùi Thị Sơn	Ca	20CMK05	20	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
501	411	24600010	Trần Hải Hoàng	Long	20CMK01	20	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
502	412	24600242	Phạm Ngọc	Đội	20CMK08	20	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
503	413	24600037	Đào Huỳnh Minh	Ánh	20CMK02	20	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
504	414	24600001	Nguyễn Phúc	Vinh	20CMK01	20	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
505	415	24600080	Lê Thị Kim	Thoa	20CMK03	20	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
506	416	24600438	Nguyễn Thị Kiều	Trang	20CMK13	20	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
507	417	24600397	Mai Thị Ngọc	Lan	20CMK12	20	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
508	418	24600149	Phương Bảo	Lân	20CMK05	20	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
509	419	24600480	Nguyễn Hồng	Sương	20CMK14	20	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
510	420	24600510	Cù Thị	Lý	20CMK15	20	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
511	421	24600506	Lương Ngọc Lan	Nghi	20CMK15	20	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
512	422	24600464	Phan Ngọc Quỳnh	Anh	20CMK14	20	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
513	423	24600191	Huỳnh Hữu	Phúc	20CMK06	20	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	

TH

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
514	424	24600466	Phạm Thị Phương	Kiều	20CMK14	20	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
515	425	24600326	Đinh Thị Ngọc	Thủy	20CMK10	20	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
516	426	24600018	Nguyễn Thị Hiếu	Thảo	20CMK01	20	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
517	427	24600161	Phan Thanh	Khánh	20CMK05	20	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
518	428	24600222	Đỗ Thái Quan	Huy	20CMK07	20	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
519	429	24600364	Trần Lê Vương Bảo	Kim	20CMK11	20	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
520	430	24600009	Ngô Thanh	Thanh	20CMK01	20	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
521	431	24600207	Nguyễn Minh	Thư	20CMK07	20	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
522	432	24600245	Mai Minh	Hoàng	20CMK08	20	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
523	433	24600142	Nguyễn Hoàng Mai	Trâm	20CMK05	20	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
524	434	24600158	Nguyễn Thị Sin	Hy	20CMK05	20	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
525	435	24600174	Trương Trọng	Nghĩa	20CMK06	20	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
526	436	24600176	Huỳnh Thị Huỳnh	Như	20CMK06	20	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
527	437	24600052	Huỳnh Trung	Tuấn	20CMK02	20	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
528	438	24600437	Hồ Nguyễn Đông	Trúc	20CMK13	20	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
529	439	24600121	Biện Thị Thu	Uyên	20CMK04	20	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
530	440	24600286	Đặng Anh	Quốc	20CMK09	20	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
531	441	24600370	Phạm Trần Diễm	Phương	20CMK11	20	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
532	442	24600512	Nguyễn Bảo Như	Ngọc	20CMK15	20	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
533	443	24600192	Trương Thị Khả	Tú	20CMK06	20	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
534	444	24600196	Lâm Chí	Dũng	20CMK06	20	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
535	445	24600409	Nguyễn Thiên	Tường	20CMK12	20	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
536	446	24600362	Trương Mỹ	Hằng	20CMK11	20	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
537	447	24600074	Nguyễn Tấn	Phát	20CMK03	20	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
538	448	24600177	Nguyễn Trương Tường	Vy	20CMK06	20	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
539	449	24600215	Huỳnh Ngọc Cát	Tường	20CMK07	20	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
540	450	24600131	Bùi Yến	Vy	20CMK04	20	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
541	451	24600120	Phạm Thành	Trí	20CMK04	20	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
542	452	24600141	Trần Thị	Hồng	20CMK05	20	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
543	453	24600333	Tô Thị	Yến	20CMK10	20	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
544	454	24600465	Nguyễn Hà Mỹ	Trâm	20CMK14	20	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
545	455	24600185	Võ Thị Minh	Quân	20CMK06	20	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
546	456	24600239	Triệu Thị Kim	Huyền	20CMK07	20	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
547	457	24600133	Trần Thái	Hiệp	20CMK04	20	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
548	458	24600321	Nguyễn Thị Bích	Trâm	20CMK10	20	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
549	459	24600391	Ngô Hải	Yến	20CMK12	20	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
550	460	24600258	Lê Thị Thanh	Bình	20CMK08	20	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
551	461	24600180	Võ Thị Kim	Huyền	20CMK06	20	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
552	462	24600487	Nguyễn Yến	Nhi	20CMK15	20	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
553	463	24600129	Trần Ngọc Linh	Vy	20CMK04	20	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
554	464	24651030	Lê Thị Diệu	Đan	20CIM01	20	Quản lý công nghiệp (CIM)	Giỏi	1.000.000	
555	465	24641245	Trần Nhật	Tân	20CQT02	20	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
556	466	24641159	Lâm Thị Tuyết	Mỹ	20CQT06	20	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
557	467	24641086	Nguyễn Đăng Bảo	Trân	20CQT03	20	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
558	468	24641348	Lê Thị Kiều	Trang	20CQT11	20	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
559	469	24641035	Phạm Thị Yến	Quyên	20CQT02	20	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
560	470	24641182	Trần Ngọc Quỳnh	Như	20CQT07	20	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
561	471	24641270	Trần Thị Mỹ	Huyền	20CQT09	20	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
562	472	24641242	Huỳnh Châu Văn	Thật	20CQT01	20	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
563	473	24641125	Giương Tú	Trinh	20CQT05	20	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
564	474	24641180	Đặng Thị Hồng	Tuyết	20CQT06	20	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
565	475	24641250	Ngô Thị Mỹ	Tâm	20CQT04	20	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
566	476	24641237	Đặng Lý Kim	Anh	20CQT08	20	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
567	477	24641098	Lê Thị Ngọc	Ngân	20CQT04	20	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
568	478	24641049	Trần Hoàng	Long	20CQT02	20	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
569	479	24641005	Nguyễn Thành	Nghiệp	20CQT01	20	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
570	480	24641068	Cao Thị Huyền	Trang	20CQT03	20	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
571	481	24641001	Trần Ngọc Thanh	Thanh	20CQT01	20	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
572	482	24641272	Trần Nguyễn Anh	Thư	20CQT09	20	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
573	483	24641232	Lâm Thị Mỹ	Nhi	20CQT08	20	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
574	484	24641296	Phạm Phú	Quốc	20CQT10	20	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
575	485	24641011	Nguyễn Phước	Thiện	20CQT01	20	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
576	486	24641356	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	20CQT11	20	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
577	487	24641051	Võ Như	Quỳnh	20CQT02	20	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
578	488	24641045	Lý Thị Kim	Thu	20CQT02	20	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
579	489	24641126	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	20CQT05	20	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
580	490	24641077	Phan Thị Gia	Nghi	20CQT03	20	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
581	491	24641369	Trần Nhật	Phong	20CQT12	20	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
582	492	24682002	Y	Ngin	20CKS01	20	Quản trị khách sạn (CKS)	Giỏi	1.000.000	
583	493	24682125	Lê Phương	Nhi	20CKS05	20	Quản trị khách sạn (CKS)	Giỏi	1.000.000	
584	494	24682085	Nguyễn Gia	Huy	20CKS03	20	Quản trị khách sạn (CKS)	Giỏi	1.000.000	
585	495	24682129	Huỳnh Nguyễn Quế	Anh	20CKS05	20	Quản trị khách sạn (CKS)	Giỏi	1.000.000	
586	496	24682143	Trần Thị Thanh	Tú	20CKS05	20	Quản trị khách sạn (CKS)	Giỏi	1.000.000	
587	497	24682017	Ngô Nhật Khánh	Vy	20CKS01	20	Quản trị khách sạn (CKS)	Giỏi	1.000.000	
588	498	24682069	Nguyễn Thị Ánh	Dương	20CKS03	20	Quản trị khách sạn (CKS)	Giỏi	1.000.000	
589	499	24682034	Đặng Thảo	Nguyên	20CKS02	20	Quản trị khách sạn (CKS)	Giỏi	1.000.000	
590	500	24682130	Lê Thị Thuý	Vi	20CKS05	20	Quản trị khách sạn (CKS)	Giỏi	1.000.000	
591	501	24635154	Nguyễn Thị Mai	Hương	20CFB06	20	Tài chính - Ngân hàng (CFB)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
592	502	24635203	Lê Gia	Phú	20CFB07	20	Tài chính - Ngân hàng (CFB)	Giỏi	1.000.000	
593	503	24635140	Nguyễn Thanh	Thảo	20CFB05	20	Tài chính - Ngân hàng (CFB)	Giỏi	1.000.000	
594	504	24635008	Nguyễn Hữu	Duy	20CFB01	20	Tài chính - Ngân hàng (CFB)	Giỏi	1.000.000	
595	505	24635176	Lê Nguyễn Tường	Vân	20CFB06	20	Tài chính - Ngân hàng (CFB)	Giỏi	1.000.000	
596	506	24635002	Võ Lê Trung	Tuấn	20CFB01	20	Tài chính - Ngân hàng (CFB)	Giỏi	1.000.000	
597	507	24635128	Võ Thị Yến	Nhi	20CFB05	20	Tài chính - Ngân hàng (CFB)	Giỏi	1.000.000	
598	508	24635192	Nguyễn Thị Mỹ	Xuyên	20CFB07	20	Tài chính - Ngân hàng (CFB)	Giỏi	1.000.000	
599	509	24635010	Lê Công	Trường	20CFB01	20	Tài chính - Ngân hàng (CFB)	Giỏi	1.000.000	
600	510	24635056	Nguyễn Ngọc	Hiền	20CFB02	20	Tài chính - Ngân hàng (CFB)	Giỏi	1.000.000	
601	511	24635074	Huỳnh Thái Trúc	My	20CFB03	20	Tài chính - Ngân hàng (CFB)	Giỏi	1.000.000	
602	512	24635136	Phạm Thị Phương	Thảo	20CFB05	20	Tài chính - Ngân hàng (CFB)	Giỏi	1.000.000	
603	513	24635005	Phạm Huỳnh Anh	Thư	20CFB01	20	Tài chính - Ngân hàng (CFB)	Giỏi	1.000.000	
604	514	24621002	Đào Thị Huyền	Trang	20CTA01	20	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
605	515	24621030	Vũ Thị Tắt	Nhiên	20CTA01	20	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
606	516	24621008	Bùi Phát	Đạt	20CTA01	20	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
607	517	24621054	Nguyễn Trường	Dương	20CTA02	20	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
608	518	24621040	Trần Thị Ngọc	Liên	20CTA02	20	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
609	519	24621208	Đinh Thị Trúc	Mi	20CTA07	20	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
610	520	24621091	Tạ Hồng	Nguyễn	20CTA04	20	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
611	521	24621023	Huỳnh Thị Ngọc	Nhi	20CTA01	20	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
612	522	24621090	Nguyễn Ngọc Mai	Chi	20CTA03	20	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
613	523	24621175	Nguyễn Ngọc Yển	Nhi	20CTA06	20	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
614	524	24621065	Nguyễn Bích	Trâm	20CTA03	20	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
615	525	24621118	Nguyễn Châu Kiều	Ngân	20CTA04	20	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
616	526	24621093	Trần Nguyễn Duy	Khang	20CTA04	20	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
617	527	24621076	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	20CTA03	20	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
618	528	24621102	Võ Hoàng Ngọc	Như	20CTA04	20	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
619	529	24621131	Nguyễn Hoàng Khánh	Vy	20CTA05	20	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
620	530	24621019	Lê Phan Bảo	Ngọc	20CTA01	20	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
621	531	24621177	Nông Ngọc	Trâm	20CTA06	20	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
622	532	24621159	Nguyễn Ngọc	Thanh	20CTA06	20	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
623	533	24621197	Trần Thị Thanh	Thùy	20CTA07	20	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
624	534	24621068	Trần Hồ Như	Ngọc	20CTA03	20	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
625	535	24621133	Vương Mỹ	Quyên	20CTA05	20	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
626	536	24622090	Phan Hoàng Thiên	Kim	20CKR03	20	Tiếng Hàn Quốc (CKR)	Giỏi	1.000.000	
627	537	24622092	Hồ Thị Thu	Thúy	20CKR04	20	Tiếng Hàn Quốc (CKR)	Giỏi	1.000.000	
628	538	24622002	Trần Ngọc Phương	Ngân	20CKR01	20	Tiếng Hàn Quốc (CKR)	Giỏi	1.000.000	
629	539	24622015	Huỳnh Trần Thanh	Ngọc	20CKR01	20	Tiếng Hàn Quốc (CKR)	Giỏi	1.000.000	
630	540	24622044	Nguyễn Thị Thùy	Dương	20CKR02	20	Tiếng Hàn Quốc (CKR)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
631	541	24622081	Võ Thị Thúy	An	20CKR03	20	Tiếng Hàn Quốc (CKR)	Giỏi	1.000.000	
632	542	24622085	Nguyễn Gia	Hân	20CKR03	20	Tiếng Hàn Quốc (CKR)	Giỏi	1.000.000	
633	543	24622048	Phạm Thị Thanh	Xuân	20CKR02	20	Tiếng Hàn Quốc (CKR)	Giỏi	1.000.000	
634	544	24622003	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	20CKR01	20	Tiếng Hàn Quốc (CKR)	Giỏi	1.000.000	
635	545	24622050	Đinh Nguyễn Trâm	Anh	20CKR02	20	Tiếng Hàn Quốc (CKR)	Giỏi	1.000.000	
636	546	24622006	Nguyễn Thị Kim	Nhân	20CKR01	20	Tiếng Hàn Quốc (CKR)	Giỏi	1.000.000	
637	547	24622066	Lê Ngọc	Tuệ	20CKR03	20	Tiếng Hàn Quốc (CKR)	Giỏi	1.000.000	
638	548	24622083	Nguyễn Đặng Thuận	An	20CKR03	20	Tiếng Hàn Quốc (CKR)	Giỏi	1.000.000	
639	549	24622075	Trần Ngọc	Uyên	20CKR03	20	Tiếng Hàn Quốc (CKR)	Giỏi	1.000.000	
640	550	24622034	Hoàng Kim	Chi	20CKR02	20	Tiếng Hàn Quốc (CKR)	Giỏi	1.000.000	
641	551	24622088	Lê Ngọc Tuyết	Hân	20CKR03	20	Tiếng Hàn Quốc (CKR)	Giỏi	1.000.000	
642	552	24622038	Nguyễn Thị Diễm	My	20CKR02	20	Tiếng Hàn Quốc (CKR)	Giỏi	1.000.000	
643	553	24622102	Nguyễn Đỗ Thuý	An	20CKR04	20	Tiếng Hàn Quốc (CKR)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
644	554	24622073	Nguyễn Thị Minh	Thư	20CKR03	20	Tiếng Hàn Quốc (CKR)	Giỏi	1.000.000	
Tổng cộng									734.000.000	
Số tiền bằng chữ: Bảy trăm ba mươi bốn triệu đồng chẵn./.										

NGƯỜI LẬP BẢNG



Nguyễn Phương Trúc

HIỆU TRƯỞNG



Trần Văn Tú

